

Số: 137/NQ-HĐND

Kông Chro, ngày 10 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện
03 chương trình mục tiêu quốc gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thu đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu Quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn I: Từ năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu Quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia;

Căn cứ Thông báo số 513/TB-STC ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai về việc các huyện, thị xã, thành phố nộp trả kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về ngân sách tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Báo cáo thẩm tra số 222/BC-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội, HĐND huyện khóa VII và ý kiến thảo luận, thống nhất của các vị đại biểu HĐND huyện tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia theo phụ lục đính kèm (các phụ lục số 01, 02, 03, 04, 4.1 kèm theo).

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa VII - Kỳ họp thứ Mười một (Chuyên đề) thông qua ngày 10 tháng 5 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động Thương binh & Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị huyện Kông Chro);
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT-HĐND.

CHỦ TỊCH



Phan Văn Trung



PHỤ LỤC 01

KẾ HOẠCH SAU ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN

CHƯƠNG TRÌNH MÔ CỘNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

TIÊU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 4: DỰ KIẾN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 137/NQ-HĐND ngày 10/5/2023 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị/ Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	NS tính
	TỔNG CỘNG				117.582	117.582	117.582	
1	Thị trấn Kông Chro (TDP Lei Nghe, TDP Plei Dong)				2.595	2.595	2.595	
1.1	Năm 2022				434	434	434	
	Đường giao thông nội TDP Plei Nghe	Thị trấn Kông Chro	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	434	434	434	
1.2	Từ năm 2023 - 2025				2.161	2.161	2.161	
	Đường giao thông nội TDP Plei Nghe	Thị trấn Kông Chro	2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	400	400	400	
	Đường vào khu sản xuất TDP Plei Dong	Thị trấn Kông Chro	2024	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	671	671	671	
	Đường vào khu sản xuất TDP Plei Dong (tiếp theo)	Thị trấn Kông Chro	2024	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	625	625	625	
	Đường giao thông nội TDP Plei Nghe	Thị trấn Kông Chro	2025	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	465	465	465	
2	Xã Yang Trung (Làng Tnang)				1.298	1.298	1.298	
2.1	Năm 2022				217	217	217	
	Đường nội đồng làng Tnang	Xã Yang Trung	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	217	217	217	
2.2	Từ năm 2023 - 2025				1.081	1.081	1.081	
	Nhà rông văn hóa làng Tnang	Xã Yang Trung	2023	Nhà để xe của nhà rông	100	100	100	



STT	Tên đơn vị / Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	NS tỉnh
	Sân thể thao làng Tnang	Xã Yang Trung	2023	Sân bóng chuyền làng Tnang	100	100	100	
	Nước sinh hoạt làng Tnang	Xã Yang Trung	2024	04 giếng khoan làng Tnang	400	400	400	
	Đường nội làng Tnang	Xã Yang Trung	2025	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	481	481	481	
3	Xã Kông Yang (Làng Hnhh Đăk, làng Hnhh Dong, làng Bà Bả)				3.893	3.893	3.893	
3.1	Năm 2022				651	651	651	
	Đường nội đồng làng Hnhh Dong	Xã Kông Yang	2022-2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	651	651	651	
3.2	Từ năm 2023 - 2025				3.242	3.242	3.242	
	Đường nội đồng làng Hnhh Đăk	Xã Kông Yang	2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	601	601	601	
	Đường nội đồng làng Bà Bả	Xã Kông Yang	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.370	1.370	1.370	
	Đường nội đồng làng Hnhh Đăk	Xã Kông Yang	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.271	1.271	1.271	
4	Xã An Trung (Làng Pơbah Ktu, làng Ó, làng S'Kiết)				3.893	3.893	3.893	
4.1	Năm 2022				651	651	651	
	Đường giao thông nội làng S'Kiết	Xã An Trung	2022-2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	651	651	651	
4.2	Từ năm 2023 - 2025				3.242	3.242	3.242	
	Đường ra khu sản xuất làng Pơbah Ktu	Xã An Trung	2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	601	601	601	
	Trường tiểu học điểm làng S'Kiết	Xã An Trung	2024	Xây dựng 02 phòng học, công, hàng rào và sân bê tông	1.080	1.080	1.080	
	Khu thể thao làng Ó	Xã An	2025	Công, hàng rào và sân bê tông	500	500	500	
	Đường ra khu sản xuất làng Ó	Xã An Trung	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.061	1.061	1.061	

STT	Tên đơn vị hành mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	NS tỉnh
5	Xã Đắk Kơ Ning				9.960	9.960	9.960	
5.1	Năm 2022				1.666	1.666	1.666	
	Đường từ Trung tâm xã đi làng Hrách	Xã Đắk Kơ Ning	2022-2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	700	700	700	
	Đường nội làng Hrách	Xã Đắk Kơ Ning	2022-2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	966	966	966	
5.2	Từ năm 2023 - 2025				8.294	8.294	8.294	
	Trường Mầm non 19/5	Xã Đắk Kơ Ning	2023	Điểm trường trung tâm: 01 nhà ăn, 01 mái vòm, 01 nhà bảo vệ và các hạng mục khác	1.537	1.537	1.537	
	Đường nội đồng làng Htiên	Xã Đắk Kơ Ning	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.228	1.228	1.228	
	Đường nội đồng làng Hrách	Xã Đắk Kơ Ning	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.633	1.633	1.633	
	Đường nội đồng Nhang lớn	Xã Đắk Kơ Ning	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.132	1.132	1.132	
	Trường Mầm non 19/5 (tại các điểm trường)	Xã Đắk Kơ Ning	2025	Cổng hàng rào tại 04 điểm trường của 04 làng; giếng nước tại 05 điểm trường của 04 làng	1.000	1.000	1.000	
	Đường nội làng Htiên, Nhang Lớn, làng Hrách, làng Tkát	Xã Đắk Kơ Ning	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.764	1.764	1.764	
6	Xã Ya Ma				10.351	10.351	10.351	
6.1	Năm 2022				1.731	1.731	1.731	
	Đường đi nghĩa trang làng TNùng-Măng	Xã Ya Ma	2022-2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.731	1.731	1.731	
6.2	Từ năm 2023 - 2025				8.620	8.620	8.620	
	Trường Mầm non Bông Sen (điểm trường trung tâm)	Xã Ya Ma	2023	Nhà để xe; phòng đa năng; nhà ăn và bếp ăn; mái vòm; nhà vệ sinh và hạng mục khác	1.598	1.598	1.598	

STT	Tên đơn vị/ Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	NS tỉnh
	Trường TH&THCS Lê Hồng Phong (điểm trường trung tâm)	Xã Ya Ma	2024	Cổng hàng rào và nhà để xe	1.000	1.000	1.000	
	Trường TH&THCS Lê Hồng Phong (điểm làng Măng và làng Hơ)	Xã Ya Ma	2024	Nhà vệ sinh, giếng nước tại làng Măng và làng Hơ; Giếng đào và hạng mục khác	372	372	372	
	Đường nội đồng làng Hơ	Xã Ya Ma	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.850	2.850	2.850	
	Đường nội đồng làng Tnú 1	Xã Ya Ma	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.800	2.800	2.800	
7	Xã Yang Nam				9.522	9.522	9.522	
7.1	Năm 2022				1.593	1.593	1.593	
	Đường đi khu sản xuất làng Tpon 1 cũ	Xã Yang Nam	2022-2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.593	1.593	1.593	
7.2	Từ năm 2023 - 2025				7.929	7.929	7.929	
	Đường nội làng và đi khu sản xuất làng Glung	Xã Yang Nam	2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.470	1.470	1.470	
	Đường nội làng và đi khu sản xuất làng Vơ	Xã Yang Nam	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.330	1.330	1.330	
	Đường nội làng Rong Tnia	Xã Yang Nam	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.500	2.500	2.500	
	Đường D3	Xã Yang Nam	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	236	236	236	
	Đường nội làng và đi khu sản xuất làng Tpon	Xã Yang Nam	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.250	1.250	1.250	
	Đường nội làng Glung	Xã Yang Nam	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.143	1.143	1.143	
8	Xã Chư Krey				10.372	10.372	10.372	
8.1	Năm 2022				1.735	1.735	1.735	
	Đường nội làng Sơ Rơ	Xã Chư Krey	2022-2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.735	1.735	1.735	

STT	Tên đơn vị/ Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	NS tỉnh
8.2	Từ năm 2023 - 2025				8.637	8.637	8.637	
	Trường Mầm non Sơn Ca	Xã Chư Krey	2023	Nhà ăn, nhà kho, phòng y tế và các hạng mục khác	1.601	1.601	1.601	
	Trường PTDTBT TH&THCS Nguyễn Khuyến	Xã Chư Krey	2024	01 Phòng học điểm trường làng Châu và các hạng mục phụ	400	400	400	
	Sân vận động trung tâm xã	Xã Chư	2024	Hàng rào, cổng ngõ và các hạng mục	1.400	1.400	1.400	
	Đường nội làng Châu	Xã Chư Krey	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.637	1.637	1.637	
	Đường nội làng Sơ Ron	Xã Chư Krey	2025	Via hè, mương thoát nước và các hạng mục khác	1.750	1.750	1.750	
	Đường nội đồng làng Lơ Pơ	Xã Chư Krey	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.849	1.849	1.849	
9	Xã Đắk Pơ Pho				10.208	10.208	10.208	
9.1	Năm 2022				1.707	1.707	1.707	
	Đường nội đồng thôn 3	Xã Đắk Pơ Pho	2022-2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.707	1.707	1.707	
9.2	Từ năm 2023 - 2025				8.501	8.501	8.501	
	Trường TH&THCS Lê Văn Tám	Xã Đắk Pơ Pho	2023	Xây mới phòng học tại điểm trường làng Chư Krei	400	400	400	
	Trường Mầm non Hướng Dương	Xã Đắk Pơ Pho	2023	Nhà vệ sinh, giếng và hệ thống nước tại điểm trường làng Kúc Gmỏi, thôn 3	200	200	200	
	Hệ thống đài truyền thanh xã	Xã Đắk Pơ Pho	2023	Hệ thống đài truyền thanh xã (ứng dụng công nghệ thông tin)	300	300	300	
	Khu trung tâm thể thao xã	Xã Đắk Pơ Pho	2023	Đường vào sân thể thao xã, tường rào, cổng và hệ thống thoát nước của trung tâm thể thao xã	676	676	676	
	Sân thể thao làng Kúc Gmỏi, thôn 4	Xã Đắk Pơ Pho	2024	Sân thể thao và các hạng mục phụ	263	263	263	

STT	Tên đơn vị	Đanh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
							Tổng số	Trong đó:	
								NSTW	NS tỉnh
		Nhà nông văn hóa làng Kúc Gmỏi, thôn 3, thôn 4	Xã Đăk Pơ Pho	2024	Làm mới nhà vệ sinh nhà nông văn hóa và các hạng mục phụ	150	150	150	
		Đường nội thôn Thôn 3	Xã Đăk Pơ Pho	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	845	845	845	
		Đường nội đồng Thôn 3	Xã Đăk Pơ Pho	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.000	2.000	2.000	
		Đường nội làng Kúc Gmỏi	Xã Đăk Pơ Pho	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	834	834	834	
		Đường nội thôn thôn 3	Xã Đăk Pơ Pho	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.000	2.000	2.000	
		Đường nội thôn thôn 4	Xã Đăk Pơ Pho	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	833	833	833	
10	Xã SRó					14.025	14.025	14.025	
10.1	Năm 2022					2.346	2.346	2.346	
		Đường giao thông nội làng Bơ ya	Xã Sró	2022-2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.346	2.346	2.346	
10.2	Từ năm 2023 - 2025					11.679	11.679	11.679	
		Chợ trung tâm xã	Xã Sró	2023	Chợ trung tâm xã	3.000	3.000	3.000	
		Đường giao thông ra khu sản xuất làng Pting	Xã Sró	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.400	1.400	1.400	
		Nhà văn hóa thôn 3	Xã Sró	2024	Nhà sinh hoạt và hạng mục phụ	600	600	600	
		Sân vận động trung tâm xã	Xã Sró	2024	Khán đài, hàng rào, sân bóng và các hạng mục phụ	2.000	2.000	2.000	
		Đường ra khu sản xuất làng Pting (nối tiếp)	Xã Sró	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.000	1.000	1.000	
		Đường ra khu sản xuất làng Kưok	Xã Sró	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.000	2.000	2.000	
		Đường ra khu sản xuất làng Sơ ró	Xã Sró	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.679	1.679	1.679	
11	Xã Chơ Glong					10.222	10.222	10.222	
11.1	Năm 2022					1.710	1.710	1.710	

STT	Tên đơn vị/ Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	NS tỉnh
	Đường giao thông nội làng và nội đồng làng Tpon	Xã Chơ Glong	2022-2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.710	1.710	1.710	
11.2	Từ năm 2023 - 2025				8.512	8.512	8.512	
	Đài Truyền thanh xã	Xã Chơ Glong	2023	Hệ thống đài truyền thanh xã (ứng dụng công nghệ thông tin)	312	312	312	
	Khu trung tâm thể thao xã	Xã Chơ Glong	2023	Xây dựng tường rào, cổng ngõ; nhà để xe và các hạng mục khác	1.266	1.266	1.266	
	Đường giao thông nội đồng làng Klăh	Xã Chơ Glong	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.234	1.234	1.234	
	Đường giao thông nội làng Brul	Xã Chơ Glong	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.500	1.500	1.500	
	Đường giao thông nội đồng làng Brul	Xã Chơ Glong	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.500	1.500	1.500	
	Đường giao thông nội làng Tπέ	Xã Chơ Glong	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.200	1.200	1.200	
	Đường giao thông nội đồng làng Tpon	Xã Chơ Glong	2025	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.500	1.500	1.500	
12	Xã Đăk Pling				10.439	10.439	10.439	
12.1	Năm 2022				1.746	1.746	1.746	
	Đường nội làng Mèo, Brang	Xã Đăk Pling	2022-2023	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.746	1.746	1.746	
12.2	Từ năm 2023 - 2025				8.693	8.693	8.693	
	Trường Mầm non Phong Lan	Xã Đăk Pling	2023	Xây dựng cổng, hàng rào; nhà để xe; bộ đồ chơi; giếng khoan; nhà bảo vệ, mái vòm và 02 nhà công vụ	1.111	1.111	1.111	
	Trường TH&THCS Bùi Thị Xuân (điểm làng Tbung)	Xã Đăk Pling	2023	01 phòng học điểm trường làng Tbung và các hạng mục phụ	500	500	500	

STT	Tên đơn vị/ Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	NS tỉnh
	Đường nội làng Tbung	Xã Đăk Pling	2024	Đường BTXM, Bm= 3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.150	1.150	1.150	
	Trường TH&THCS Bùi Thị Xuân	Xã Đăk Pling	2024	Nhà đa năng, trang thiết bị bên trong và trang thiết bị phòng hóa học	2.400	2.400	2.400	
	Trường TH&THCS Bùi Thị Xuân (điểm làng Brang)	Xã Đăk Pling	2024	01 phòng học điểm trường làng Brang và các hạng mục phụ	500	500	500	
	Điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi	Xã Đăk Pling	2025	Sân chơi dành cho người già và trẻ em; đường nội bộ; đèn chiếu sáng; trang thiết bị và hạng mục khác	700	700	700	
	Trường TH&THCS Bùi Thị Xuân (tại điểm làng Brang, Tbung)	Xã Đăk Pling	2025	Xây dựng công, hàng rào; sân bê tông, nhà vệ sinh diện tích; giếng khoan tại điểm làng Brang, Tbung	893	893	893	
	Hệ thống đài truyền thanh xã	Xã Đăk Pling	2025	Hệ thống đài truyền thanh xã (ứng dụng công nghệ thông tin)	350	350	350	
	Trạm y tế xã	Xã Đăk Pling	2025	Mái hiên khung thép và giếng khoan trạm y tế xã	300	300	300	
	Trường Mầm non Phong lan	Xã Đăk	2025	Mái vòm, nhà bếp, Phòng y tế, nhà kho	789	789	789	
13	Xã Đăk Tơ Pang				10.436	10.436	10.436	
13.1	Năm 2022				1.746	1.746	1.746	
	Đường nội đồng làng Kpiêu Kông (làng Kpiêu cũ)	Xã Đăk Tơ Pang	2022-2023	Đường BTXM, Bn=3m, Bm=5m và hệ thống thoát nước	1.746	1.746	1.746	
13.2	Từ năm 2023 - 2025				8.690	8.690	8.690	
	Trường Mầm non Hoà Mi	Xã Đăk Tơ Pang	2023	Nhà bảo vệ, nhà bếp, phòng họp, nhà để xe, khu vệ sinh giáo viên và các hạng mục khác	1.611	1.611	1.611	
	Đài truyền thanh và hệ thống loa đến thôn	Xã Đăk Tơ Pang	2024	Hệ thống truyền thanh số IP, cụm loa máy phát thanh, máy tính, và trang thiết bị khác	310	310	310	

STT	Tên đơn vị/ Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	NS tính
	Nhà văn hóa xã	Xã Đăk Tơ Pang	2024	4 phòng chức năng (Phòng đọc sách, phòng hành chính, phòng thông tin và truyền thanh, phòng câu lạc bộ, các trang thiết bị và hàng mục khác)	1.200	1.200	1.200	
	Trạm Y tế xã	Xã Đăk Tơ Pang	2024	Mái hiên	200	200	200	
	Nghĩa trang nhân dân làng làng Brăng	Xã Đăk Tơ Pang	2024	Đường vào nghĩa trang làng Brăng, san ủi mặt bằng, cổng, hàng rào	880	880	880	
	Trường TH&THCS Lê Lợi	Xã Đăk Tơ Pang	2025	Nhà đa năng, nhà bảo vệ và trang thiết bị bên trong tại điểm trường trung tâm; Cổng và hàng rào tại trường Trung tâm và điểm trường làng Brăng, Kông (Cũ), Đăk Hway.	4.489	4.489	4.489	
14	Xã Đăk Song				10.368	10.368	10.368	
14.1	Năm 2022				1.734	1.734	1.734	
	Đường nội làng Krắc	Xã Đăk Song	2022-2023	Đường BTXM, Bn=3m, Bm=5m và hệ thống thoát nước	1.734	1.734	1.734	
14.2	Từ năm 2023 - 2025				8.634	8.634	8.634	
	Trường Mầm non Hoà Bình (điểm làng K'rắc và H'ôn)	Xã Đăk Song	2023	Xây cổng tường rào; Sân bê tông 02 điểm làng K'rắc và H'ôn	500	500	500	
	Trường TH&THCS Cao Bá Quát	Xã Đăk Song	2023	01 phòng học và trang thiết bị	700	700	700	
	Đường vào khu thể thao trung tâm xã	Xã Đăk Song	2023	Đường BTXM, Bn=3m, Bm=5m và hệ thống thoát nước	400	400	400	
	Khu trung tâm thể thao xã	Xã Đăk Song	2024	Cổng, hàng rào, nhà vệ sinh, khán đài, nhà để xe, giếng nước và các hạng mục phụ	1.400	1.400	1.400	
	Hệ thống thoát nước đường trục xã và tại làng Kte - Kchăng	Xã Đăk Song	2024	Đường dẫn thoát nước, Cổng hộp 02 cửa 100x100, thoát nước dọc hai bên	1.500	1.500	1.500	
	Trường Mầm non Hòa Bình	Xã Đăk Song	2024	Nhà bếp và công trình phụ trợ	600	600	600	

STT	Tên đơn vị/ Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	NS tỉnh
	Đài truyền thanh xã	Xã Đăk Song	2024	Hệ thống đài truyền thanh xã (ứng dụng công nghệ thông tin)	450	450	450	
	Nhà rộng văn hóa làng Blà	Xã Đăk Song	2024	Nhà vệ sinh	150	150	150	
	Sửa chữa đường liên thôn làng Krắc, làng Kte - Kchăng	Xã Đăk Song	2024	Sửa chữa mặt đường BTXM, gia cố nền, ta luy	300	300	300	
	Nhà rộng văn hóa 03 làng: Krắc, Kte - Kchăng, Hôn - Kliết	Xã Đăk Song	2025	Sân bê tông, nhà vệ sinh, cống, hàng rào và các hạng mục phụ	1.200	1.200	1.200	
	Đường nội làng Kliết - H'ôn	Xã Đăk Song	2025	Đường BTXM, Bn=3m, Bm=5m và hệ thống thoát nước	434	434	434	
	Trường TH&THCS Cao Bá Quát xã Đăk Song (trường trung tâm)	Xã Đăk Song	2025	Phòng Thư viện, phòng giáo dục thể chất và trang thiết bị tại trường trung tâm xã	1.000	1.000	1.000	



PHỤ LỤC 02

KẾ HOẠCH SAU ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 137/NQ-HĐND ngày 10/5/2023 của Hội đồng nhân dân huyện)

DVT : Triệu đồng

STT	Tên xã/Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	Vốn huy
	TỔNG CỘNG				45.329	45.329	43.672	1.657
1	Xã Yang Trung				2.346	2.346	2.272	74
a	Năm 2022 (bao gồm vốn năm 2021 chuyển sang)				700	700	672	28
	Đường nội đồng làng Hle Hlang	Xã Yang Trung	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	700	700	672	28
b	Từ năm 2023 - 2025				1.646	1.646	1.600	46
	Trường Mầm non 1/6	Xã Yang Trung	2023	Tại trung tâm: 01 phòng ngủ cho học sinh có nhà vệ sinh bên trong và các hàng	500	500	500	
	Đường trung tâm xã thôn 9	Xã Yang Trung	2024	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	208	208	200	8
	Đường nội đồng làng Hle Hlang	Xã Yang Trung	2024	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	417	417	400	17
	Đường nội đồng làng Tnang	Xã Yang Trung	2025	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	521	521	500	21
2	Xã Kông Yang				9.640	9.640	9.290	350
a	Năm 2022 (bao gồm vốn năm 2021 chuyển sang)				2.094	2.094	2.010	84
	Đường nội đồng làng Hmh Dong	Xã Kông Yang	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.094	2.094	2.010	84
b	Từ năm 2023 - 2025				7.546	7.546	7.280	266
	Trường Mầm non Hoa Hồng	Xã Kông Yang	2023	Sân bê tông, cổng hàng rào điểm trường làng Hra, Húp	300	300	300	
	Nghĩa địa xã	Xã Kông Yang	2023	San mặt bằng; xây cổng, hàng rào nghĩa địa xã	521	521	500	21

STT	Tên xã/Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	Vốn huy
	Đường nội đồng làng Hra	Xã Kông Yang	2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.563	1.563	1.500	63
	Trường TH&THCS Kông Yang	Xã Kông Yang	2024	Sân bê tông, hàng rào điểm trường làng Hung Dong, Hung Đắk, phòng tin học, nhà vệ sinh cho giáo viên tại trường trung tâm	600	600	600	
	Đường nội đồng làng Húp	Xã Kông Yang	2024	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.083	2.083	2.000	83
	Xây mới đường trục xã làng Húp - Hra	Xã Kông Yang	2025	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.792	1.792	1.720	72
	Hệ thống nước sinh hoạt thôn 2 (thôn 5 cũ)	Xã Kông Yang	2025	Giếng khoan, bể nước, hệ thống ống dẫn nước, hàng mục khác	188	188	180	8
	Nhà rộng văn hóa 05 làng: Húp, Hra, Hung Dong, Bà Bă, Hung	Xã Kông Yang	2025	Xây mới sân bê tông 05 nhà rộng văn hóa làng: Húp, Hra, Hung Dong, Bà Bă, Hung	500	500	480	20
3	Xã An Trung				9.580	9.580	9.297	283
a	Năm 2022 (bao gồm vốn năm 2021 chuyển sang)				2.101	2.101	2.017	84
	Đường giao thông ra khu sản xuất làng Biên	Xã An Trung	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.101	2.101	2.017	84
b	Từ năm 2023 - 2025				7.479	7.479	7.280	199
	Sân vận động xã	Xã An Trung	2023	Sân vận động xã và các hạng mục phụ	2.292	2.292	2.200	92
	Nghĩa trang nhân dân làng Chiêu Liêu	Xã An Trung	2023	Xây dựng cổng, hàng rào	313	313	300	13
	Trường Mầm non An Trung (điểm trường trung tâm)	Xã An Trung	2024	01 phòng đa chức năng, 01 phòng họp và các hạng mục phụ	1.250	1.250	1.250	
	Đường giao thông nội thôn Gia Yên	Xã An Trung	2024	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	906	906	870	36
	Hệ thống thu phát thanh của xã và cụm loa các thôn, làng	Xã An Trung	2024	Hệ thống máy thu phát thanh xã và cụm loa các thôn làng	417	417	400	17
	Trường Mầm non An Trung (tại các điểm làng)	Xã An Trung	2025	Cổng, hàng rào, sân bê tông các điểm làng Chiêu Liêu, làng Broch siêu, Kial,	600	600	600	

STT	Tên xã/Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	Vốn huy
	Trường TH&THCS An Trung (tại điểm trường làng Chiêu Liêu, làng Broch Siêu, Biên, làng Kial)	Xã An Trung	2025	Giếng khoan, nhà vệ sinh tại các điểm trường làng Chiêu Liêu, làng Broch Siêu, Biên, làng Kial	660	660	660	
	Nhà Văn hóa xã	Xã An Trung	2025	05 phòng chức năng, trang thiết bị và các hạng mục phụ	1.042	1.042	1.000	42
4	Xã Đắk Kơ Ning				2.458	2.458	2.360	98
	<i>Vốn năm 2021 chuyển sang</i>					-		
	Đường nội làng Htiên	Xã Đắk Kơ Ning	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.458	2.458	2.360	98
5	Xã Ya Ma				2.458	2.458	2.360	98
	<i>Vốn năm 2021 chuyển sang</i>					-		
	Đường nội đồng làng Tnúng 1	Xã Ya Ma	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.458	2.458	2.360	98
6	Xã Yang Nam				2.458	2.458	2.360	98
	<i>Vốn năm 2021 chuyển sang</i>					-		
	Mở rộng đường bê tông làng Rong Tnia	Xã Yang Nam	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.458	2.458	2.360	98
7	Xã Chư Krey				1.639	1.639	1.573	66
	<i>Vốn năm 2021 chuyển sang</i>					-		
	Đường nội đồng làng Sơ Ron	Xã Chư Krey	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.639	1.639	1.573	66
8	Xã Đắk Pơ Pho				2.458	2.458	2.360	98
	<i>Vốn năm 2021 chuyển sang</i>					-		
	Đường nội đồng làng Kúc Gmỏi, thôn 4	Xã Đắk Pơ Pho	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.458	2.458	2.360	98
9	Xã SRó				2.458	2.458	2.360	98
	<i>Vốn năm 2021 chuyển sang</i>					-		
	Đường giao thông nội làng Pting, thôn 1	Xã Sró	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.458	2.458	2.360	98
10	Xã Chơ Glong				2.458	2.458	2.360	98
	<i>Vốn năm 2021 chuyển sang</i>					-		

STT	Tên xã/Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	Vốn huy
	Đường giao thông nội đồng Thôn 8	Xã Chợ Glong	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.458	2.458	2.360	98
11	Xã Đăk Pling				2.458	2.458	2.360	98
	Vốn năm 2021 chuyển sang					-		
	Đường nội đồng làng Mèo	Xã Đăk Pling	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.458	2.458	2.360	98
12	Xã Đăk Tơ Pang				2.458	2.458	2.360	98
	Vốn năm 2021 chuyển sang					-		
	Đường nội đồng làng Brăng (nối tiếp công trình đường nội đồng làng Brăng năm 2019)	Xã Đăk Tơ Pang	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	2.458	2.458	2.360	98
13	Xã Đăk Song				2.458	2.458	2.360	98
	Vốn năm 2021 chuyển sang					-		
	Đường nội làng Blà, xã Đăk Song	Xã Đăk Song	2022-2023	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	1.875	1.875	1.800	75
	Nhà rộng văn hóa làng Blà	Xã Đăk Song	2022-2023	Sân BTXM, cổng, hàng rào, nhà vệ sinh	583	583	560	23

PHỤ LỤC 4

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 10/5/2023 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (1)			Ghi chú
		Bổ sung Kế hoạch vốn giai đoạn 2021- 2025	Trong đó:		
			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	TỔNG SỐ	1.893	1.893	-	
1	Xã Yang Trung	189	189	-	
2	Xã Kông Yang	852	852	-	
3	Xã An Trung	852	852	-	

*** Ghi chú:**

(1): Danh mục công trình chi tiết theo phụ lục 4.1

- Tổng kế hoạch vốn trên không bao gồm nguồn vốn huy động để thực hiện
Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới



PHỤ LỤC 4.1

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: 137/NQ-HĐND ngày 10/5/2023 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT : Triệu đồng

STT	Tên xã/Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian Thực hiện	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Bổ sung Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	
							NSTW	Vốn huy động
	TỔNG CỘNG				1.973	1.973	1.893	80
1	Xã Yang Trung				197	197	189	8
	Khu thể thao làng Tnang	Xã Yang Trung	2023-2025	Hàng rào bao quanh khu thể thao	197	197	189	8
2	Xã Kông Yang				888	888	852	36
	Đường nội đồng làng Hmnh Đăk	Xã Kông Yang	2023-2025	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	888	888	852	36
3	Xã An Trung				888	888	852	36
	Đường ra khu sản xuất thôn 6	Xã An Trung	2023-2025	Đường BTXM, Bm=3m, Bn=5m và hệ thống thoát nước	888	888	852	36